

## TRIỂN KHAI CƠ CHẾ TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM TẠI CÁC TỔ CHỨC DỊCH VỤ KỸ THUẬT CÔNG TRONG LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN - ĐO LƯỜNG - CHẤT LƯỢNG

**ThS. Nguyễn Vũ<sup>1</sup>**

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1,  
Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, Bộ KH&CN

---

### **Tóm tắt:**

Từ năm 2005 đến nay, tổ chức dịch vụ kỹ thuật công trong lĩnh vực Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng (là một loại hình tổ chức khoa học và công nghệ - KH&CN) được chuyển sang hoạt động theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm (TCTCTN) của tổ chức KH&CN công lập. Việc chuyển đổi đã được thực hiện thành công ở một số đơn vị trung ương nhưng chưa thực sự thành công ở các đơn vị địa phương. Nghiên cứu này nhằm góp phần làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn của vấn đề TCTCTN; phân tích những thành công và chưa thành công, những thuận lợi, khó khăn trong quá trình chuyển đổi và từ đó đề xuất một số cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh quá trình chuyển đổi của các tổ chức dịch vụ kỹ thuật công (DVKTC) trong lĩnh vực Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng (TĐC) sang cơ chế TCTCTN theo tinh thần của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP của Chính phủ (NĐ 115).

**Từ khóa:** Dịch vụ kỹ thuật công; Tự chủ tự chịu trách nhiệm; Tổ chức KH&CN; Tiêu chuẩn; Đo lường; Chất lượng.

**Mã số:** 15030101

## **I. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM NƯỚC NGOÀI VỀ TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP**

### **1. Cơ sở lý luận về tự chủ, tự chịu trách nhiệm**

#### **1.1. Tự chủ**

Theo từ điển tiếng Việt, tự chủ là tự điều hành, quản lý mọi công việc của mình, không bị ai chi phối. Theo Wikipedia, tự chủ/tự trị (autonomy) có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp là autonomos, trong đó, auto là “tự mình”, còn nomos là “luật”, nghĩa là việc “tự mình làm luật lệ”. Theo từ điển Oxford, tự chủ/tự trị là quyền hoặc điều kiện tự quản, được tự do quyết định không chịu sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng từ bên ngoài. Theo Berdahl (1990), có 2

---

<sup>1</sup> Liên hệ tác giả: nguyenvuspt@gmail.com

loại tự chủ là tự chủ thực chất (substantial autonomy) và tự chủ về quy trình (procedure autonomy):

- *Tự chủ thực chất* là tự chủ toàn quyền từ khâu tự định đoạt các hướng nghiên cứu, hoạt động, các dịch vụ KH&CN, không có sự can thiệp của các cấp quản lý trong việc phân bổ, bố trí nguồn lực. Hoạt động của tổ chức này chỉ chịu sự điều chỉnh của pháp luật có liên quan và các cơ quan giám sát... Tự chủ thực chất thường có ở tổ chức tư nhân, nơi mà quyền sở hữu thuộc về một cá nhân hay một nhóm người và họ có toàn quyền quyết định phương thức hoạt động và điều hành tổ chức của mình (tổ chức KH&CN tư nhân, doanh nghiệp). Ở các tổ chức còn có một phần bị chi phối bởi các hệ quản lý cấp hành chính thì không có tự chủ thực sự (100%) mà chỉ có bán tự chủ. Trường hợp tự chủ này thường thấy ở các tổ chức sự nghiệp, trong đó có tổ chức KH&CN công lập;
- *Tự chủ về quy trình* nghĩa là tự điều hành từ khâu điều hành kế hoạch hoạt động đến khâu tài chính, nhân lực và đánh giá tổ chức, không tự chủ việc ra các quyết định.

Như vậy tự chủ là tự mình được đưa ra các quyết định liên quan đến công việc mà không cần xin phép hoặc chủ yếu là không phải xin phép ai. Thực hiện tự chủ là một sự chia sẻ quyền lực, giao quyền cho cấp dưới nhiều hơn, giảm bớt sự tập trung hóa, hành chính hóa, giảm sự can thiệp vào công việc của tổ chức.

Nguyên tắc tự chủ là cho phép tự do cần thiết, không có sự can thiệp của bên ngoài, trong việc sắp xếp tổ chức và điều hành nội bộ cũng như phân bổ trong nội bộ nguồn tài chính, tuyển dụng nhân lực và bố trí điều kiện làm việc, xác định nhiệm vụ chuyên môn, tự quyết định các mục tiêu...

Đối với các tổ chức KH&CN công lập, các nước phát triển người ta quan tâm đến tự chủ rất sớm vì nó phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN (tự do, sáng tạo). Các mặt tự chủ ở đây chủ yếu là các tự chủ về xác định nhiệm vụ, kế hoạch chuyên môn; tự chủ về tài chính; tự chủ về nhân lực; tự chủ về sử dụng kết quả nghiên cứu. Tùy theo tình hình phát triển năng lực của tổ chức KH&CN, nhu cầu thị trường về các sản phẩm của tổ chức KH&CN cũng như quan điểm, chính sách của Nhà nước mà người ta giao quyền tự chủ cho tổ chức KH&CN với các mức độ khác nhau (tự chủ hoàn toàn hoặc tự chủ một phần).

## **1.2. Tự chịu trách nhiệm**

Bên cạnh việc giao quyền mạnh, các cơ quan quản lý Nhà nước đòi hỏi các tổ chức phải có trách nhiệm với quyền đã được giao. Đó là trách nhiệm giải trình trước Nhà nước về việc sử dụng có hiệu quả các cơ sở vật chất kỹ thuật, các nguồn lực mà Nhà nước đã giao cho đơn vị quản lý, sử dụng [1].

Các nước thường niên đều tiến hành đánh giá công khai hoạt động của tổ chức KH&CN để qua đó các tổ chức KH&CN giải trình về trách nhiệm sử dụng các nguồn lực và kết quả đạt được của tổ chức KH&CN theo mức độ TCTCTN được giao.

## **2. Kinh nghiệm, thực tiễn về thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập**

### **2.1. Kinh nghiệm chung về tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập**

Các tổ chức nghiên cứu ứng dụng và triển khai của Đức (FhG), Phần Lan (TEKES), Hà Lan (TNO) [6] từ lâu đã áp dụng chế độ tự trị trong hoạt động KH&CN. Cụ thể, các tổ chức KH&CN:

- Có quyền tự trị trong xác định nhiệm vụ KH&CN, phương hướng phát triển khoa học. Theo đó, các tổ chức KH&CN hoạt động theo nguyên tắc tự xác định, tìm kiếm các nhiệm vụ KH&CN (từ nhà nước, từ xã hội, từ sản xuất, từ hợp tác quốc tế) theo chức năng được giao;
- Tự chủ về tài chính (toàn phần hoặc một phần) kinh phí hoạt động thường xuyên. Trong đó, phần ngân sách nhà nước cấp cho tổ chức KH&CN được thực hiện theo đơn đặt hàng hoặc theo nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng do tổ chức KH&CN tự xác định và được đơn vị có thẩm quyền phê duyệt, cấp kinh phí. Đối với phần kinh phí tự chủ, tổ chức KH&CN thực hiện thông qua việc ký hợp đồng với các tổ chức như doanh nghiệp, các tổ chức xã hội khác,...
- Được chủ động trong việc tổ chức và nhân lực. Theo đó, các tổ chức KH&CN được áp dụng cơ chế tổ chức linh hoạt (ít biên chế và chủ yếu là hợp đồng có thời hạn, theo dự án), chủ động trong việc tái cấu trúc, sắp xếp tổ chức, luân chuyển nhân lực,...
- Thực hiện tự chủ trong đánh giá kết quả, hiệu quả và sử dụng kết quả hoạt động KH&CN, trên cơ sở đó triển khai các hợp đồng KH&CN với doanh nghiệp; phát triển bộ phận sản xuất công nghệ mới, sản phẩm mới và trong nhiều trường hợp mở rộng sản xuất và chuyển toàn bộ tổ chức KH&CN thành doanh nghiệp (spin-out) hoặc tách bộ phận có công nghệ mới, sản phẩm mới thành lập doanh nghiệp mới (spin-off) [2, tr.5-15; 7].

### **2.2. Kinh nghiệm một số nước về thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập**

#### **a) Kinh nghiệm của CHLB Đức**

Tại CHLB Đức, các viện nghiên cứu và triển khai đều được Nhà nước (Liên Bang và Bang) đồng tài trợ cho hoạt động KH&CN, tùy theo tính chất của hoạt động KH&CN (nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, triển khai thực nghiệm, dịch vụ KH&CN; nghiên cứu công ích; nghiên cứu phục vụ cạnh tranh) mà được Nhà nước cấp 100% hoặc 30 - 40% kinh phí hoạt động [4, tr.5-11], cụ thể là:

- Các viện nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu công nghệ nền, công nghệ phục vụ công ích (dịch vụ y tế, nông nghiệp, môi trường, an toàn lao động), nghiên cứu KHXH&NV được Nhà nước đảm bảo 100% kinh phí hoạt động thường xuyên. Đây là các viện nghiên cứu có sản phẩm đầu ra không có tính thương mại hoặc mới dừng ở mức tiền thương mại, không có thị trường, được sử dụng phục vụ cho các mục tiêu công ích của Nhà nước;
- Các viện nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu công nghệ công nghiệp được Nhà nước cấp 30-40% kinh phí hoạt động thường xuyên để thực hiện các nghiên cứu triển khai tự lựa chọn, đi trước tạo ra những sản phẩm chuẩn bị cho các nghiên cứu theo hợp đồng với doanh nghiệp. Phần kinh phí còn lại (60-70%) của các viện loại này phải “tự trang trải” bằng cách ký kết các hợp đồng NC&PT, dịch vụ kỹ thuật. Theo các nhà quản lý KH&CN của CHLB Đức, nếu giảm phần kinh phí Nhà nước cấp cho hoạt động của viện loại này xuống 20% thì các tổ chức NC&PT sẽ trở thành các văn phòng kỹ sư thuần túy, không còn là tổ chức NC&PT;
- Các tổ chức dịch vụ KH&CN công lập thì tùy theo nhu cầu của thị trường, được Nhà nước cấp khoảng 75% và yêu cầu tự trang trải khoảng 25% kinh phí hoạt động [5].

#### **b) Kinh nghiệm của Thái Lan**

Tại Thái Lan, Chính phủ trao quyền tự chủ tài chính cho các tổ chức KH&CN dưới dạng phân bổ ngân sách công theo cơ chế tài trợ trọn gói và cho phép các tổ chức này tiến hành cung ứng các dịch vụ KH&CN để tạo nguồn thu [3]. Kinh phí thu được sẽ để lại đầu tư cho tổ chức KH&CN và nâng mức lương cho cán bộ của tổ chức KH&CN. Một số trường hợp cụ thể như sau:

- Trung tâm Quan trắc Trái đất (*Earth Observation Center*) của tổ chức Phát triển Công nghệ Vũ trụ và Tin học Địa chất (*Geo- Informatics and Space Technology Development Agency - GISTDA*) là tổ chức bán công (half government), tự chủ 30% kinh phí thông qua bán các sản phẩm quan trắc cho các tổ chức trong nước và quốc tế;
- Viện Nghiên cứu KH&CN Thái Lan (*Thailand Institute of Scientific and Technological Research-TISTR*) là doanh nghiệp nhà nước (State Enterprises), tự chủ 20-30% kinh phí từ các hợp đồng nghiên cứu,

chuyên giao công nghệ, kỹ thuật với sản xuất. Nhà nước cấp kinh phí cho hoạt động NC&PT đến khâu sản xuất thử nghiệm (pilot plant), sau đó là kinh phí của doanh nghiệp;

- Viện Đo lường Quốc gia (*National Institute of Metrology-NIMT*) tự chủ 10% kinh phí thông qua hoạt động cung ứng dịch vụ kỹ thuật đo lường, định chuẩn,... Nhà nước cung cấp 90% kinh phí hoạt động còn lại.

## **II. THỰC TIỄN CHUYỂN ĐỔI SANG CƠ CHẾ TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC DỊCH VỤ KỸ THUẬT CÔNG TRONG LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN - ĐO LƯỜNG - CHẤT LƯỢNG**

### **1. Những vấn đề chung về tổ chức dịch vụ kỹ thuật công trong lĩnh vực tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng**

Trong lĩnh vực TĐC, các tổ chức DVKTC là các tổ chức có chức năng, nhiệm vụ thực hiện các dịch vụ kỹ thuật như thử nghiệm sản phẩm, tư vấn kỹ thuật, kiểm định kỹ thuật, hiệu chuẩn kỹ thuật, chứng nhận sự phù hợp, xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật,... phục vụ quản lý Nhà nước.

Hiện nay (năm 2014), có 04 Trung tâm Kỹ thuật TĐC trực thuộc Tổng cục TĐC, gồm Trung tâm 1 tại Hà Nội (TT1), Trung tâm 2 tại Đà Nẵng (TT2), Trung tâm 3 tại Thành phố Hồ Chí Minh (TT3), Trung tâm 4 tại Đắk Lắk (TT4) và gần 50 Trung tâm Kỹ thuật TĐC của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là các tổ chức DVKTC.

### **2. Cơ sở pháp lý chuyển các tổ chức dịch vụ kỹ thuật công sang tự chủ, tự chịu trách nhiệm**

Các tổ chức DVKTC ban đầu hoạt động theo cơ chế hành chính sự nghiệp. Trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý, các tổ chức này được mở rộng đối tượng phục vụ sang các doanh nghiệp và các thành phần khác trong xã hội. Do vậy, đến năm 2002, các tổ chức này hoạt động theo Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16/01/2002 về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu, đến năm 2005, các tổ chức DVKTC được quy định hoạt động theo cơ chế TCTCTN (NĐ 115, Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ 115 và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007 về doanh nghiệp KH&CN).

Nội dung chính tại các văn bản nêu trên quy định về: Tự chủ xác định và thực hiện nhiệm vụ KH&CN; Tự chủ sản xuất - kinh doanh; Tự chủ về tài chính, tài sản; Tự chủ về cơ cấu tổ chức và biên chế; Tự chủ về quan hệ hợp tác quốc tế. NĐ 115 quy định về cơ chế TCTCTN tại Khoản 1, Điều 4 cụ thể như sau:

- Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tổ chức dịch vụ KH&CN tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên được lựa chọn việc chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo một trong hai hình thức:
  - + Tổ chức KH&CN tự trang trải kinh phí (tự trang trải 100% kinh phí hoạt động thường xuyên);
  - + Doanh nghiệp KH&CN.
- Tổ chức nghiên cứu khoa học hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược, chính sách phục vụ quản lý nhà nước được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên theo nhiệm vụ được giao.

### **3. Kết quả chuyển đổi tổ chức dịch vụ kỹ thuật công trực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng**

#### ***3.1. Hình thức chuyển đổi***

Ngày 17/01/2007, Bộ KH&CN đã phê duyệt Đề án chuyển đổi, ấn định thời gian chuyển đổi cho TT1 vào tháng 01/2009, TT2 vào tháng 01/2010 và TT3 vào tháng 02/2007 sang chế độ tự trang trải toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên (Khoản 1, Điều 4, NĐ 115). Trong quá trình chuyển đổi, TT1 được Nhà nước đầu tư 1.850 triệu VNĐ (năm 2007, 2008), hưởng ưu đãi chuyển đổi sớm 910 triệu VNĐ; TT2 chuyển đổi sang TCTCTN chậm hơn so với lịch dự kiến vào 2010; TT3 được đầu tư 320 tỷ VNĐ tăng cường cơ sở vật chất (Nhà nước 80%, tự có 20%) cho giai đoạn 2007-2013. Các Trung tâm (TT) đều được cấp giấy phép kinh doanh ngay sau khi chuyển sang TCTCTN. Đến nay, các TT1, TT2, TT3 đã chuyển đổi thành công sang hoạt động theo NĐ 115.

#### ***3.2. Tự chủ xác định nhiệm vụ***

Các trung tâm đã chủ động trong việc xác định nhiệm vụ theo hướng tiến hành các dịch vụ về phân tích, thử nghiệm; kiểm tra, giám định, chứng nhận; đo lường; tiêu chuẩn hóa trong doanh nghiệp.

Một số kết quả nổi bật về tác dụng của hoạt động dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực TĐC mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội như chống gian lận thương mại trong kinh doanh điện, xăng dầu; áp thuế đối với hàng hóa nhập khẩu như thép, muối, dệt may, đồ chơi,...

Năm 2010, TT3 được Ủy ban An toàn Sản phẩm Hoa kỳ (CPSC) công nhận là tổ chức đánh giá sự phù hợp về an toàn đối với hàng tiêu dùng. Các TT1, TT2 và TT3 được các bộ ngành chỉ định là tổ chức thử nghiệm, chứng nhận hợp quy.

### 3.3. Tự chủ về tài chính

Năm 2006, Nhà nước vẫn còn cấp kinh phí hoạt động thường xuyên cho TT1 là 1.300 triệu VNĐ, TT2 là 550 triệu VNĐ và TT3 là 2.300 triệu VNĐ.

Từ năm 2007 đến 2013, các trung tâm đã duy trì được lợi nhuận bình quân trước thuế không thấp hơn 20% và tiến hành trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp 30% chênh lệch thu chi sau thuế. Một số chỉ tiêu có tăng trưởng cao.

Hàng năm, các trung tâm sử dụng từ khoảng 28% doanh thu chưa thuế VAT để trích lập tổng quỹ lương của đơn vị và phân phối thu nhập tăng thêm khoảng 3% theo quy chế phân phối lương, thưởng và quy chế chi tiêu nội bộ; sử dụng nguồn từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (khoảng 8-10% doanh thu/năm) để đầu tư tăng cường tiềm lực kỹ thuật của đơn vị (mua sắm trang thiết bị, đào tạo nhân lực).

Một số hoạt động tài chính của các trung tâm qua các năm cụ thể như sau:

- Năm 2009, các trung tâm có hoạt động tài chính tốt hơn những năm trước, thu nhập của cán bộ được nâng cao, cụ thể tại Bảng 1.

**Bảng 1.** Kinh phí ngoài ngân sách và thu nhập của các trung tâm năm 2009

STT	Tên trung tâm	Kinh phí từ nguồn ngoài ngân sách (triệu VNĐ)	Thu nhập bình quân cán bộ (triệu VNĐ/người/tháng)
1	Trung tâm 1	39.465	7,011
2	Trung tâm 2	12.172	3,835
3	Trung tâm 3	150.853	10,387

- Năm 2012 và 2013, kinh phí không thường xuyên của TT1 và TT2 có diễn biến tăng, trong khi đó TT3 có xu thế giữ ổn định, cụ thể xem Bảng 2.

**Bảng 2.** Kinh phí không thường xuyên của các TT năm 2012 và 2013

STT	Tên trung tâm	Kinh phí không thường xuyên (triệu VNĐ)	
		Năm 2012	Năm 2013
1	Trung tâm 1	16.373	19.567
2	Trung tâm 2	13.942	14.225
3	Trung tâm 3	15.400	15.510

**3.4. Tự chủ về nhân lực, tổ chức**

- Các trung tâm đã chủ động trong việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, tổ chức ký kết hợp đồng lao động theo quy định của NĐ 115, chuyển từ chế độ biên chế sang chế độ hợp đồng dài hạn,...
- Các trung tâm đã chú ý phát triển nhân lực (khoảng 80% nhân lực có trình độ đại học, sau đại học) và đề bạt hàng chục lãnh đạo theo quyền tự chủ đã được giao;
- Các trung tâm đã quyết định thành lập nhiều đơn vị đáp ứng yêu cầu dịch vụ kỹ thuật của thị trường (TT1 thành lập Phòng Thị trường; TT3 thành lập chi nhánh tại các tỉnh xung quanh Thành phố Hồ Chí Minh).

**3.5. Tự chủ về hợp tác quốc tế**

- Các trung tâm đã chủ động mở rộng các hợp tác song phương với các nước trên cơ sở các MoU đã ký kết. Ký kết hợp tác với các nước như Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Thái Lan, Trung Quốc, Australia, Đức, Liên bang Nga,...
- Các trung tâm đã tích cực, chủ động triển khai các hoạt động hợp tác trong lĩnh vực TĐC với các tổ chức quốc tế như ASEAN/ACCSQ; trong khuôn khổ ISO, IEC, Tổ chức Năng suất Châu Á (APO), FTA,...

**3.6. Đánh giá tổng quát kết quả chuyển đổi**

Những thành công:

- Cơ chế tự chủ về xác định nhiệm vụ, tài chính, nhân lực, tổ chức, cơ sở vật chất, trang thiết bị, hợp tác quốc tế áp dụng từ năm 2007 đến nay đã đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa, mang lại hiệu quả hoạt động tích cực;
- Nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị đã tăng trưởng qua từng năm (mỗi năm khoảng 10-15%), nộp ngân sách hàng năm bình quân khoảng 3-12 tỷ VNĐ (tăng khoảng 10% hàng năm), thu nhập bình quân/tháng/người tăng đáng kể, vượt trên chục triệu VNĐ/người/tháng (tăng khoảng 10-25% hàng năm);
- Nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, viên chức; Nâng cao vị thế của các trung tâm trên trường quốc tế (TT3 có nhiều phòng thử nghiệm được nước ngoài công nhận là phòng thử nghiệm chuẩn);
- Tiềm lực của các trung tâm được kiện toàn đáng kể, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và các dịch vụ công theo yêu cầu của doanh nghiệp, thị trường và xã hội.



Những khó khăn:

- Chưa được chủ động sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nhất là trong đào tạo nhân lực hoặc mua sắm trang thiết bị;
- Chưa được giao và áp dụng các quy định của NĐ 115 về vay vốn ngân hàng, mua sắm, thanh lý tài sản; đầu tư, tài sản, quản lý trang thiết bị tự có;
- Cán bộ của các trung tâm chưa có nhận thức đầy đủ về vấn đề hướng tới thị trường, chưa có tác phong, tư duy của kinh tế thị trường.

Nguyên nhân thành công:

- Lãnh đạo của các trung tâm đều năng động và quyết tâm cao trong việc chuyển sang hoạt động theo cơ chế TCTCTN; đã phát huy được cơ chế TCTCTN của NĐ 115; tạo được sự đồng thuận cao của đội ngũ cán bộ công chức;
- Được sự chỉ đạo, quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi của Lãnh đạo Bộ KH&CN và Tổng cục TĐC trong xây dựng phương án chuyển đổi và đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất tạo tiền đề trước khi chuyển đổi;
- Các trung tâm đều có kinh nghiệm hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp có thu từ khi thực hiện Nghị định số 10/2012/NĐ-CP và từ đó đã tạo lập được thị trường tương đối ổn định;
- Các trung tâm đã xây dựng được năng lực kỹ thuật (cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ chuyên môn có trình độ tương đối phù hợp với yêu cầu của thị trường) trước khi chuyển đổi sang cơ chế TCTCTN;

Thách thức:

- Duy trì được năng lực kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của thị trường;
- Phân định đầu tư vốn của Nhà nước và đầu tư từ vốn của trung tâm.

#### **4. Kết quả chuyển đổi tổ chức dịch vụ kỹ thuật công lĩnh vực tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng tại địa phương**

##### **4.1. Hình thức chuyển đổi**

Đến tháng 10/2013, 49/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã thành lập Trung tâm kỹ thuật TĐC. Theo báo cáo năm 2013 của 21 đơn vị về tình hình thực hiện NĐ 115 cho thấy các địa phương gặp nhiều khó khăn. Rất ít Trung tâm chuyển được theo cơ chế tự chủ 100% kinh phí hoạt động thường xuyên như Khoản 1, Điều 4, NĐ 115 quy định (chỉ có 2 đơn vị đã chuyển và 3 đơn vị đang làm Đề án). Trong khi đó, có tới 7 đơn vị đã chuyển theo cơ chế tự chủ một phần hoặc Nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh

phí hoạt động thường xuyên (chuyên theo Điều 9, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ); 3 đơn vị đã chuyển và 1 đơn vị đang làm Đề án chuyển theo cơ chế Nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên (vận dụng quy định tại Khoản 3, Điều 4, NĐ 115). Như vậy, phần lớn các tổ chức DVKTC lĩnh vực TĐC tại địa phương đã không chuyển sang cơ chế TCTCTN như quy định tại Khoản 1, Điều 4, NĐ 115.

#### **4.2. Tự chủ xác định nhiệm vụ**

Đến nay, nhiệm vụ của các Trung tâm TĐC địa phương vẫn là do Nhà nước giao là chủ yếu. Nhiệm vụ ngoài Nhà nước rất kém phát triển.

#### **4.3. Tự chủ tài chính**

Thống kê tình hình hoạt động tài chính trong 2 năm (2012 và 2013) của 13 Trung tâm cho thấy nguồn thu sự nghiệp của các Trung tâm TĐC địa phương hầu như chưa có, chủ yếu là nguồn Nhà nước.

#### **4.4. Tự chủ về nhân lực, tổ chức**

Các Trung tâm mới thành lập và cũng mới chuyển sang TCTCTN nên chưa triển khai được cơ chế TCTCTN về nhân lực, tổ chức.

#### **4.5. Tự chủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị**

Hầu hết các Trung tâm mới thành lập, nên chưa triển khai cơ chế TCTCTN về cơ sở vật chất, trang thiết bị. UBND 27 tỉnh trong năm 2013-2014 đã triển khai các dự án đầu tư cơ sở vật chất cho các Trung tâm DVKTC lĩnh vực TĐC tại địa phương với tổng kinh phí là 813.499 triệu VNĐ (theo Quyết định số 317/QĐ-TTg ngày 15/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ) nhằm tạo tiền đề cho các trung tâm khi chuyển sang cơ chế TCTCTN.

#### **4.6. Đánh giá tổng quát việc thực hiện Nghị định 115 tại địa phương**

Những thành công:

- Các Trung tâm TĐC ở địa phương mới được thành lập, phục vụ quản lý Nhà nước là chủ yếu và đã bắt đầu triển khai các dịch vụ kỹ thuật TĐC phục vụ doanh nghiệp và xã hội ở địa phương hầu như không có hoặc ở mức độ rất ít;
- Nhận thức của địa phương thấy được sự cần thiết chuyển các trung tâm sang cơ chế TCTCTN, do vậy đã triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị tạo tiền đề cho các Trung tâm TĐC từng bước chuyển sang TCTCTN.

Khó khăn và nguyên nhân chưa thành công:

- Các Trung tâm TĐC hầu hết là đơn vị mới thành lập, tách ra từ Chi cục, tuy được thừa hưởng một số cơ sở vật chất, trang thiết bị và kiểm định viên nhưng nói chung năng lực kỹ thuật còn yếu kém so với yêu cầu;
- Quy mô kinh tế - xã hội ở địa phương nhỏ bé, kém phát triển, địa bàn nhỏ, do vậy nhu cầu thị trường về dịch vụ kỹ thuật chưa phát triển, dẫn đến nguồn thu sự nghiệp ít và việc triển khai theo Khoản 1, Điều 4, NĐ 115 khó khăn;
- Văn bản hướng dẫn chưa cụ thể và quy định tại Khoản 1, Điều 4, NĐ 115 chưa phù hợp với thực tế địa phương ở giai đoạn hiện nay cũng như kinh nghiệm quốc tế. Các Trung tâm TĐC ở địa phương do đặc điểm nhỏ bé và thị trường dịch vụ kỹ thuật kém phát triển, do vậy, chỉ có thể tự chủ một phần kinh phí hoạt động thường xuyên.

Thách thức:

- Việc tự chủ 100% kinh phí hoạt động thường xuyên đối với các Trung tâm TĐC của địa phương là một thách thức rất lớn;
- Việc cạnh tranh với các Trung tâm TĐC của trung ương là rất khốc liệt.

### **III. CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH THỨC ĐẨY TỔ CHỨC DỊCH VỤ KỸ THUẬT CÔNG TRONG LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN - ĐO LƯỜNG - CHẤT LƯỢNG CHUYÊN SANG CƠ CHẾ TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM**

#### **1. Cơ chế, chính sách tài chính**

##### ***1.1. Đối với các tổ chức dịch vụ kỹ thuật công trực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng***

Nâng cao mức độ tự chủ hơn nữa cho các trung tâm, cụ thể thông qua công tác:

- Giao vốn, xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp; các trung tâm được quyền quyết định việc huy động vốn, sử dụng vốn, tài sản gắn với nhiệm vụ được giao theo quy định để mở rộng việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;
- Hướng dẫn các trung tâm xây dựng quỹ lương và chi trả lương, thu nhập; góp vốn liên doanh, liên kết, thế chấp vay vốn, kế toán cho hoạt động thuê tài chính; quyết định đầu tư phát triển từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc vốn vay ngân hàng theo NĐ 115;
- Quy định tiền lương, tiền công thực tế trong hợp đồng lao động là căn cứ cho đóng các loại bảo hiểm.

## **1.2. Đối với tổ chức dịch vụ kỹ thuật công về tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng tại địa phương**

- Áp dụng cơ chế tự chủ toàn phần, tự chủ một phần (kinh nghiệm nước ngoài), chưa tự chủ chi hoạt động thường xuyên với những niên hạn, mức độ khác nhau trước khi chuyển sang tự chủ 100% chi phí hoạt động thường xuyên;
- Tạo cơ chế tài chính xây dựng và phát triển quỹ lương, tăng thu nhập cho cán bộ, viên chức; Cho phép các Trung tâm khi nguồn thu còn ít thì chưa phải trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;
- Được vay vốn từ các nguồn vốn ưu đãi để mở rộng phạm vi, quy mô dịch vụ kỹ thuật TĐC.

## **2. Cơ chế, chính sách về nhân lực và tổ chức**

### **2.1. Đối với các tổ chức dịch vụ kỹ thuật công trực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng**

- Tiếp tục đẩy mạnh phân công, phân cấp, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, bộ máy và biên chế; trao quyền đầy đủ về quản lý nhân lực, tổ chức theo NĐ115 cho người đứng đầu Trung tâm;
- Đổi mới cơ chế quản lý đội ngũ cán bộ, viên chức thích ứng với việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các Trung tâm, phù hợp với các quy luật của nền kinh tế thị trường; đẩy mạnh triển khai công tác đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ, viên chức của Trung tâm từ nguồn tự có;
- Nghiên cứu, thí điểm chuyển một phần hoặc toàn bộ tổ chức có doanh thu lớn sang doanh nghiệp, cổ phần hóa (theo hướng tự chủ cao như tự chủ của doanh nghiệp) .

### **2.2. Đối với tổ chức dịch vụ kỹ thuật công về tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng tại địa phương**

- Tăng cường hỗ trợ nguồn kinh phí mở các lớp đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ để triển khai công tác ở địa phương đảm bảo tiêu chuẩn, chức danh, năng lực và trình độ chuyên môn;
- Phân công, phân cấp, trao quyền quyết định về nhân sự như biên chế, hợp đồng, cử cán bộ đi công tác, học tập ở nước ngoài,... cho các tổ chức DVKTC về TĐC ở địa phương theo tinh thần NĐ 115.

### **3. Cơ chế, chính sách về cơ sở vật chất, thiết bị thử nghiệm**

#### **3.1. Đối với các tổ chức DVKTC trực thuộc Tổng cục TĐC**

- Ban hành văn bản hướng dẫn về quyền quản lý tài sản, về giao quyền chủ động mua sắm tài sản cố định trong các trung tâm;
- Cho phép các trung tâm được quyền quyết định đầu tư phát triển từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc vốn vay ngân hàng theo quy định của NĐ 115 (Khoản 4c, Điều 5); thực hiện đấu thầu mua sắm thiết bị thử nghiệm; quyết định thanh lý, chuyển nhượng tài sản do đơn vị mua sắm từ nguồn vốn tự có theo Khoản 3, Điều 9, của NĐ 115.

#### **3.2. Đối với tổ chức DVKTC về TĐC tại địa phương**

- Bộ KH&CN, Tổng cục TĐC cần tiếp tục hỗ trợ tăng cường tiềm lực về thiết bị thử nghiệm thông qua các dự án về đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị; hướng dẫn việc nâng cao quyền tự chủ trong mua sắm, sử dụng, thanh lý tài sản được Nhà nước đầu tư và tự có của đơn vị;
- UBND địa phương đẩy mạnh triển khai Đề án nâng cao năng lực của các Trung tâm kỹ thuật TĐC thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Quyết định số 317/QĐ-TTg ngày 15/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ).

### **4. Cơ chế, chính sách hợp tác, hội nhập quốc tế, xúc tiến thị trường**

#### **4.1. Đối với hoạt động hợp tác, hội nhập quốc tế**

- Bộ KH&CN, Bộ Công an thực hiện quy định tại điểm b, Khoản 4, Điều 5, NĐ 115 về việc giao quyền cho giám đốc các tổ chức DVKTC được “Trực tiếp quyết định việc mời chuyên gia, các nhà khoa học nước ngoài vào Việt Nam và cử cán bộ ra nước ngoài công tác”;
- Đẩy mạnh việc tham gia các hội thảo, hội nghị, các lớp tập huấn về chuyên môn và các hợp tác song phương và quốc tế về TĐC.

#### **4.2. Giải pháp nâng cao tự chủ trong hoạt động xúc tiến thị trường**

- Các trung tâm cần chủ động nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng văn hóa định hướng vào khách hàng cho đội ngũ cán bộ, viên chức;
- Nâng cao tính chủ động, kỹ năng tiếp thị, xúc tiến thị trường cho cán bộ, viên chức của các Trung tâm.

### **KẾT LUẬN**

1. Kinh nghiệm của các nước cho thấy các tổ chức NC&PT, dịch vụ KH&CN công lập công ích được áp dụng mô hình tự chủ, tự chịu trách nhiệm một phần kinh phí hoạt động thường xuyên (mức độ nhiều hoặc ít

- tùy theo tính chất ngành nghề, nhu cầu của thị trường); Nếu các tổ chức NC&PT phải tự chủ 80-100% kinh phí hoạt động thường xuyên thì hoạt động NC&PT sẽ bị thu gọn và tổ chức đó không còn là tổ chức NC&PT theo đúng nghĩa;
2. Cơ chế của NĐ 115 về tự chủ 100% kinh phí hoạt động thường xuyên áp dụng cho TT1, TT2, TT3 đã được triển khai thành công và mang lại kết quả tích cực cho các Trung tâm này, cụ thể là nguồn thu sự nghiệp, thuế nộp cho Nhà nước, thu nhập của cán bộ... ngày càng lớn, năm sau cao hơn năm trước;
  3. Việc chuyển đổi các Trung tâm kỹ thuật TĐC tại địa phương sang cơ chế TCTCTN theo NĐ 115 (Khoản 1, Điều 4) gặp nhiều khó khăn. Nguyên nhân là do năng lực kỹ thuật của các Trung tâm này chưa đủ mạnh, nhu cầu về dịch vụ kỹ thuật tại nhiều địa phương chưa phát triển; phục vụ quản lý nhà nước là chủ yếu. Do vậy, đa phần các Trung tâm chuyển đổi theo Điều 9, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP (Nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên);
  4. Kiến nghị Nhà nước sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 4, NĐ 115 theo hướng các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tổ chức dịch vụ KH&CN được chuyển sang cơ chế tự chủ một phần kinh phí đến toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên (tùy thuộc loại hình hoạt động KH&CN, mức độ phát triển của thị trường và mức độ tự chủ của các tổ chức này);
  5. Nhà nước có chính sách đầu tư, hỗ trợ tăng cường tiềm lực cho các tổ chức DVKTC của địa phương và các chính sách phát triển thị trường dịch vụ kỹ thuật tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức DVKTC có được nguồn thu ngày càng tăng từ việc cung ứng dịch vụ kỹ thuật phục vụ thị trường, doanh nghiệp nhằm nhanh chóng chuyển sang hoạt động theo cơ chế TCTCTN một phần và tiến tới toàn phần kinh phí hoạt động thường xuyên theo NĐ 115./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt:

1. Hoàng Xuân Long. (2002) *Nghiên cứu luận cứ khoa học cho việc xây dựng các cơ chế, chính sách về vấn đề tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức NCPT*. Đề tài cấp Bộ KH&CN. Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN.
2. Đặng Duy Thịnh. (2006) *Tăng cường các liên kết và đổi mới cấu trúc tổ chức nhằm nhất thể hóa nghiên cứu và triển khai với sản xuất công nghiệp*. Nội san Nghiên cứu Chính sách KH&CN, số 12, tr.5-15.

3. Đặng Duy Thịnh. (2007) *Kinh nghiệm của Thái Lan trong quản lý tài chính tại các tổ chức KH&CN*. Báo cáo khoa học. Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN.
4. Đặng Duy Thịnh. (2007) *Bàn về cơ chế chuyển tổ chức KH&CN thành tổ chức tự chủ tự chịu trách nhiệm nhằm gắn kết khoa học với sản xuất*. Nội san Nghiên cứu Chính sách KH&CN, số 14, tr.5-11.
5. Phạm Quang Trí. (2007) *Nghiên cứu sự phát triển của tổ chức R&D ở một số nước có chọn lọc và Việt Nam*. Đề tài cấp cơ sở. Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN.
6. Nguyễn Vũ. (2014) *Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức dịch vụ kỹ thuật công trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng (TĐC) theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm*. Luận văn cao học. Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN.

**Tiếng Anh, Đức:**

7. Felderer, B. and Campbell, David F.J. (1994) *Forschungsfinanzierung in Europa - Trends - Modelle Empfehlung fuer Oestereich*. Manzsche Verlags-und Universitaetsbuchhandlung, Wien.
8. Martin Bell, R. (1993) *Intergrating R&D with industrial production and technical change: strengthening linkages and changing structures*. Workshop on Intergration of Science and Technology in the Development Planning and Management Process in the ESCWA Region, Amman, p.27-30 September 1993.s and changing structu 1993.